

Số: 5614/2024/QĐST-DS Thành phố T, ngày 18 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 397/2024/TLST – DS ngày 04 tháng 03 năm 2024 về việc: “Tranh chấp di sản thừa kế”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Bà Hoàng Hương L, sinh năm 1975

Địa chỉ: I Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

- Ông Nguyễn Hồng Q

- Ông Nguyễn Thái Hải L1

Cùng địa chỉ: B C B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Nam T, sinh năm 1998

Địa chỉ: I Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Thúy L2

Địa chỉ: C N, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1935

Địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Nghệ An

*Người đại diện theo ủy quyền:*

Ông Phạm Thế H, sinh năm 1991

Địa chỉ: C N, khối V, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An

- Bà Nguyễn Khánh L3, sinh năm 2001

Địa chỉ: I Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện theo ủy quyền:*

Bà Nguyễn Thị Thúy L2

Địa chỉ: C N, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

- Công ty cổ phần C

Địa chỉ: Đường số G, KCN S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

*Người đại diện theo pháp luật:*

Ông Lê Tuấn S, sinh năm 1982

Địa chỉ: 124/60, khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## 2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Hoàng Hương L được nhận toàn bộ nhà ở và toàn bộ quyền sử dụng đất (trong đó gồm có  $\frac{1}{2}$  là tài sản của bà Hoàng Hương L và  $\frac{1}{2}$  là di sản do ông Nguyễn Kim G để lại), bao gồm:

1/ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 506, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 447992 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 01/7/2004, số vào sổ cấp GCN 00091/AB QSĐĐ/TP.

2/ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 511, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 800639 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 15/5/2003, số vào sổ cấp GCN: 00083/AB QSĐĐ/TP.

3/ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 512, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 770585 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 07/9/2007.

4/ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 013726 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 03/9/2008.

5/ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 524, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 546628 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 19/9/2016, số vào sổ cấp GCN: CH 03235.

6/ Nhà ở và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 525, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 02/10/2008, Hồ sơ gốc số: 092/2008/UB.GCN).

7/ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 612 và 613, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 128577 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 04/11/2014, số vào sổ cấp GCN: CH02353.

8/ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 415727 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 12/11/2004, số vào sổ cấp GCN: 00417/3B QSĐĐ/TP.



Bà Hoàng Hương L có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đối với: (1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 447992 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 01/7/2004, số vào sổ cấp GCN 00091/AB QSDĐ/TP; (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 800639 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 15/5/2003, số vào sổ cấp GCN: 00083/AB QSDD/TP; (3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 770585 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 07/9/2007; (4) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 013726 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 03/9/2008; (5) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 546628 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 19/9/2016, số vào sổ cấp GCN: CH 03235; (6) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 02/10/2008, Hồ sơ gốc số: 092/2008/UB.GCN); (7) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 128577 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 04/11/2014, số vào sổ cấp GCN: CH02353; (8) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 415727 do U (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 12/11/2004, số vào sổ cấp GCN: 00417/3B QSDĐ/TP.

- Bà Hoàng Hương L được sở hữu toàn bộ số cổ phần là 528.700 cổ phần tại Công ty cổ phần C, trong đó gồm có  $\frac{1}{2}$  là cổ phần của bà Hoàng Hương L và  $\frac{1}{2}$  là di sản do ông Nguyễn Kim G để lại.

- Bà Hoàng Hương L có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Nam T số tiền là 5.616.625.000 đồng (Năm tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), thời hạn thanh toán 03 tháng kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2024.

- Bà Hoàng Hương L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Khánh L3 số tiền là 5.616.625.000 đồng (Năm tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), thời hạn thanh toán 03 tháng kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2024.

- Bà Hoàng Hương L có trách nhiệm thanh toán cho bà Hoàng Thị P số tiền là 5.616.625.000 đồng (Năm tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), thời hạn thanh toán 03 tháng kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2024.

Trong trường hợp bà Hoàng Hương L chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về chi phí xem xét thẩm định, tại chỗ và định giá: Bà Hoàng Hương L tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

- Về án phí dân sự:

Bà Hoàng Hương L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.808.313 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, ba trăm mười ba đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 36.767.750 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0025272 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà Hoàng Hương L còn phải nộp thêm số tiền là 20.040.563 đồng (Hai mươi triệu, không trăm bốn mươi nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng).

Ông Nguyễn Nam T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.808.313 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, ba trăm mười ba đồng).

Bà Nguyễn Khánh L3 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.808.313 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, ba trăm mười ba đồng).

Bà Hoàng Thị P thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Thị Thu Hiền**